

Số: 09/2026/QĐCNTTLH

Tuyên Quang, ngày 28 tháng 01 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN**

Căn cứ vào các điều 32, 33, 34 và điều 35 Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ điều 55, 58, 81, 82, 83, 110, 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của chị Cù Mai N và anh Đàm Ngọc T

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 01 năm 2026 về việc yêu cầu ly hôn của chị Cù Mai N.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 12 tháng 01 năm 2026 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

Người khởi kiện: Chị Cù Mai N; sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn Y, xã B, tỉnh Tuyên Quang.

Người bị kiện: Anh Đàm Ngọc T1; sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn Y, xã B, tỉnh Tuyên Quang.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (nếu có).

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 12 tháng 01 năm 2026 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 12 tháng 01 năm 2026, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Cù Mai N và anh Đàm Ngọc T

- Về con chung: Chị Cù Mai N và anh Đàm Ngọc T1 thỏa thuận.

Giao cho chị Cù Mai N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đàm Thiên H ngày 24/7/2010 và cháu Đàm H1 T1 sinh ngày 19/8/2016 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh Đàm Ngọc T2 trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung

cháu Đàm H1 T1 sinh ngày 19/8/2016 mỗi tháng 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*), chị Cù Mai N là người trực tiếp nhận tiền cấp dưỡng hằng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 02 năm 2026 cho đến khi cháu Đàm H1 T1 đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn anh T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung, sau này chị N1 anh T2 quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu tiền cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không yêu cầu giải quyết.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**2.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các bên tham gia hòa giải;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 7 - Tuyên Quang;
- UBND xã P, tỉnh Tuyên Quang;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu Tòa án.

**THẨM PHÁN**

(Đã ký)

**Dương Văn Công**